



THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH

[illegible]

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
6	6720601	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Lâm sàng V1, V2, Thực tập TN	KT Siêu âm chẩn đoán KT Chụp XQ KT chụp CLVT Quản lý khoa XQ	Chẩn đoán hình ảnh	9	135	0	0	0	135
	Tổng 6						9	135	0	0	0	135
7	6720603	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	LS Đông Y LS PHCN	LS PHCN LS VĐTL; Ngôn ngữ trị liệu LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	YHCT - PHCN	2	30	10	30	0	30
	Tổng 7						2	30	10	30	0	30
8	6720602	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Lâm sàng V1, V2, Thực tập TN Ls Huyết học Hóa sinh Vi sinh – KST	Ls Huyết học Hóa sinh Vi sinh – KST	Xét nghiệm	6	90	0	0	0	30
	Tổng 8						6	90	0	0	0	30



BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN VIỆT
SỞ Y TẾ THANH HÓA

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

1. CAO ĐẲNG / TRUNG CẤP ĐIỀU DƯỠNG

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Vi Văn Thúc	Bác sỹ	Đa khoa	0017350/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK HSCC	11 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nội – HSCC Thực tập tốt nghiệp	Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe ...	Nội khoa – Cấp cứu	39
2.	Lê Thị Hồng	Điều dưỡng	Đa khoa	030916/CCH N-BQP	Điều dưỡng	6 năm				
3.	Lê Thị Hoài	Điều dưỡng	Đa khoa	018221/TH-CCHN	Điều dưỡng	4 năm				
4.	Nguyễn Thị Hiền	Điều dưỡng	Đa khoa	020716/TH-CCHN	Điều dưỡng	>2 năm				
5.	Hà Thị Anh	Điều dưỡng	Đa khoa	000790/TH-GPHN	Điều dưỡng	>12 tháng				
6.	Đàm Quang Hùng	Bs	Đa khoa	20072/TH-CCHN	KCB Ngoại	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng	Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương	Khoa ngoại	14

					khoa		Ngoại Thực tập tốt nghệp	thông thường Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa ...		
7.	Lê Thị Nga	Điều dưỡng	Đa khoa	016001/TH- CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
8.	Lê Văn Huy	Điều dưỡng	Đa khoa	000726/TH- GPHN	Điều dưỡng	>12 tháng				
9.	Trịnh Thị Nga	Điều dưỡng	Đa khoa	001575/ TH- CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Sân Thực tập tốt nghệp	Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyên dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...	Khoa Sân	7
10.	Lê Thị Quyên	Điều dưỡng	Đa khoa	15731/TH- CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
11.	Lê Thị Khuê	Điều dưỡng	Đa khoa	007080/TH- CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
12.	Lê Thị Xinh	Điều dưỡng	Đa khoa	018297/TH- CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi Thực tập tốt nghệp	Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ	Khoa Nhi	22
13.	Hoàng Thị Thùy	Bác sỹ	Đa khoa	018090/TH- CCHN	KCB Nội - nhi khoa	>4 năm				
14.	Lê Thị Trang	Điều dưỡng	Đa khoa	018424/TH- CCHN	Điều dưỡng	>4 năm				
15.	Lê Thị Thảo	Điều dưỡng	Đa khoa	016057/TH- CCHN	Điều dưỡng	>4 năm				
16.	Vũ Thị Minh	Điều dưỡng	Đa khoa	002992/BRV T-CCHN	Điều dưỡng	>10 năm				



2. CAO ĐẲNG Y SỸ ĐA KHOA

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Dương Tuấn ngọc	Bác sỹ	BSĐK	003257/TH-CCHN	KCB Nội khoa	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Nội - truyền nhiễm - HSCC Thực tập tốt nghiệp	KHÁM, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác Xử trí Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe ...	Khoa Nội - P. Cấp cứu -	39
2.	Phạm Thị Dung	Bác sỹ	BSĐK	005221/BRVT-CCHN		> 5 năm				
3.	Nguyễn Thái Hà	Bác sỹ	BSĐK	007503/TH-CCHN		> 5 năm				
4.	Lê Thị Lệ Quyên	Bác sỹ	BSĐK	019105/TH-CCHN		> 5 năm				
5.	Lê Xuân Ngọc	BSCK2	Ngoại khoa	017812/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học Ngoại Thực tập tốt nghiệp	Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa ...	Khoa ngoại	14
6.	Lê Xuân Tình	Bs	Đa khoa	140021/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa	> 10 năm				
7.	Đỗ Thị Vân Anh	Bs	Đa khoa	012786/TH-CCHN	KCB đa khoa	> 10 năm				

8.	Nguyễn Văn Tuynh	BS	Ngoại khoa	004029/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa	> 15 năm				
9.	Lê Thị Thùy	Bác sỹ	BSĐK	007456/TH-CCHN	KCB Đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học Sân Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...	Khoa Sản	7
10.	Bùi Thị Ngân	Bác sỹ	BSĐK	000946/TH-CCHN	KCB Đa khoa	>2 năm				
11.	Nguyễn Mậu Hoàng	Bác sỹ	BSĐK	000825/TH-GPHN	KCB Đa khoa	> 5 năm				
12.	Nguyễn Văn Lương	Bác sỹ CKI	Nhi khoa	020759/TH-CCHN	KCB CKNhi	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ	Khoa Nhi	22
13.	Trịnh Xuân Tùng	BS CKI	KCB Nội nhi	001760/TH-CCHN	Điều dưỡng	>10 năm				
14.	Cao Thị Hậu	Bs	KCB CK nhi	003256/HB-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
15.	Nguyễn Thị Huyền Trang	ĐH Điều dưỡng	Đa khoa	005274/CT-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				



3. CAO ĐẲNG HỘ SINH

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Trần Văn Minh	Bác sỹ CKI	BS Ngoại Sản	006645/TH-CCHN	KCB Ngoại sản	> 10 năm	Lâm sàng Sản vòng 2. 3 ... Thực tập tốt nghiệp	Khán, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...	Khoa Sản	7
2.	Lê Thị Vân	ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	012659/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 10 năm				
3.	Lê Thị Trà My	Hộ sinh	Hộ sinh	006876/ĐNAI - CCHN	Hộ sinh	> 10 năm				
4.	Lê Thị Đinh	Hộ sinh	Hộ sinh	005550 /TH-CCHN	Hộ sinh	> 10 năm				
5.	Trần thị Thảo Mai	Hộ sinh	Hộ sinh	000949/TH-CCHN	Hộ sinh	>2 năm				
6.	Đặng Đình Duy	Bác sỹ	CK nhi	020411/TH-CCHN	CK nhi	>3 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ...Thực	Khoa Nhi	22
7.	Lê Thị Giang	Điều dưỡng	Đ D	020546/TH-CCHN	Đ D	>2 năm				
8.	Nguyễn Thị Linh	Điều dưỡng	Đ D	000815/TH-GPHN	Đ D	>13tháng				

9.	Nguyễn Thị Xinh	Điều dưỡng	Đ D	035600/TH-CCHN	Đ D	> 5 năm	hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe		
----	-----------------	------------	-----	----------------	-----	---------	---	--	--

4. CAO ĐẲNG DƯỢC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Trịnh Thị Hoa	Dược sỹ CKI	Dược	6661/CCHN-D-SYT-TH	Dược	>5 năm	Dược lâm sàng Thực tập Tốt nghiệp	Thực hành Dược lâm sàng, Tra cứu TT thuốc, SD thuốc, Báo cáo ca LS, ... Tư vấn sử dụng thuốc Dự trữ thuốc Bảo quản thuốc....	Dược	0
2.	Nguyễn Thị Hồng	Dược sĩ ĐH	Dược	6815/CCHN-D-SYT-TH	Dược	>3 năm			Dược	0
3.	Hà Thị Thu	Dược sỹ CĐ	Dược	6960/CCHN-D-SYT-TH	Dược	>3 năm			Dược	0
4.	La Thu Hằng	Dược sỹ	Dược	2258/ĐNAI-CCHND	Dược	> 5 năm			Dược	0



5.	Hoàng Thị Hằng	Được sỹ	Được	6549/CCHN-D-SYT-TH	Được	> 5 năm		Được	0
----	----------------	---------	------	--------------------	------	---------	--	------	---

5. CAO ĐẲNG/ TRUNG CẤP Y HỌC CÔ TRUYỀN

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phân/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Lê Thị Linh	Bác sỹ	YHCT	019607/TH-CCHN	YHCT	>3 năm	Y học cổ truyền LS bệnh học y học hiện đại	Thực hành LS YHCT, LS bệnh học y học hiện đại Thực hành LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	PHCN Đông Y	15
2.	Nguyễn Thị Thanh Phương	Bác sỹ	YHCT	020956/TH-CCHN	YHCT	>3 năm				
3.	Vũ Anh Đức	Bác sỹ	YHCT	020270/TH-CCHN	YHCT	>3 năm				
4.	Bùi Thị Hương	Bs	YHCT	020112/TH-CCHN	YHCT	>3 năm				
5.	Dương Thanh Hiền	Bác sỹ	YHCT	008215/NĐ-CCHN	YHCT	>3 năm				
6.	Lê Thị Hằng	Bác sỹ	YHCT	020469/TH-CCHN	YHCT	>2 năm				

54952
VH VH
KHO
VIỆT
T. THAM

7.	Nguyễn Thị Hoa	Bs	YHCT	006175/TH-CCHN	YHCT	>3 năm				
8.	Nguyễn Thị Dung	BS	YHCT	020514/TH-CCHN	YHCT	>3 năm				
9.	Nguyễn Văn Tuấn	Ys YHCT	YHCT	020500/TH-CCHN	YHCT	>3 năm				
10.	Đỗ Thị Duyên	Ys YHCT	YHCT	016662/TH-CCHN	YHCT	> 5 năm				
11.	Nguyễn Thị Miên	Ys YHCT	YHCT	019576/ TH-CCHN	YHCT	> 3 năm				

6. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Bùi Đình Nin	Bác sỹ CKI Trưởng khoa	CDHA	000010/TH-CCHN	CDHA	>12 năm	LS vòng 1. 2.3 Thực tập Tốt	KT Siêu âm chẩn đoán KT Chụp XQ KT chụp CLVT - CHT	CDHA	0

2.	Lê Thị Cúc	Bác sỹ	CĐHA	001120/TH-CCHN	CĐHA	>12 năm
3.	Lê Thúy Hằng	Bác sỹ CKI	CĐHA	009189/TH-CCHN	CĐHA	>5 năm
4.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Bác sỹ	CĐHA	000691/TH-CCHN	CĐHA	>10 năm
5.	Bùi Văn Tâm	KTV Đại học	CĐHA	14734/TH-CCHN	CĐHA	> 5 năm
6.	Lê Đức Thọ	Bs	CĐHA	000714/TH-CCHN	CĐHA	> 5 năm
7.	Tổng Thị Thủy	BS	CĐHA	012528/TH-CCHN	CĐHA	> 5 năm
8.	Tổng Giang Nam	KTV	CĐHA	000928/TH-GPHN	CĐHA	>2 năm
9.	Phạm Văn Hùng	Đ D	Đa khoa	012963/TH - CCHN	cdha	10 năm

nghịệp

Quản lý khoa XQ



7. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Nguyễn Thị Dung	Bác sỹ	YHCT -PHCN	017731/TH-CCHN	PHCN – YHCT	>4 năm	Lâm sàng Phục hồi chức năng Lâm sàng Kiểm soát nhiễm khuẩn	Thực hành lâm sàng Phục hồi chức năng, Vận động trị liệu, hoạt động trị liệu,.... Ngôn ngữ trị liệu Thực hành lâm sàng Kiểm soát nhiễm khuẩn	YHCT PHCN	7
2.	Nguyễn Thị Thu	Bác sỹ	YHCT -PHCN	019666/TH-CCHN	YHCT PHCN	>3 năm				
3.	Đàm Thị Hồng Gấm	KTV	PHCN	006166/TH-CCHN	PHCN	>3 năm				
4.	Vũ Thị Mỹ Hạ	KTV	PHCN	006175/TH-CCHN	PHCN	> 3 năm				
5.	Trần Thị Nga	Bs	YHCT	010330/TB-CCHN	YHCT	> 5 năm				
6.	Đoàn Minh Hùng	Ys YHCT	YHCT	004055/TH-CCHN	Phục hồi chức năng	> 10 năm				



8. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Hoàng Thu Hồng	Bác sỹ	Xét nghiệm	006683/TH-CCHN; QĐ 156/QĐ-SYT	Xét nghiệm	>10 năm	Lâm sàng V2, 3; Thực tập TN Huyết học Hóa sinh	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm: Công thức máu, Huyết đồ, tủy đồ, cách nhận định kết quả, phân tích sai hỏng về kết quả huyết học và các kỹ thuật cao. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm sinh hoá, định tính, định lượng các xét nghiệm sinh hoá ...	Xét nghiệm	0
2.	Dương Đình Tùng	KTV ĐH	Xét nghiệm	019346/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 3 năm				
3.	Lê thị Liên	KTV	KTV XN	019739/TH-CCHN	Xét nghiệm	>2 năm				
4.	Phùng Thị Loan	KTV	KTV XN	004572/TH-CCHN	Xét nghiệm	>8 năm				
5.	Lê Như Quỳnh	KTV	KTV XN	002528/ĐNAI-CCHN	Xét nghiệm	>7 năm				
6.	Lê Thị An	KTV	KTV XN	020118/TH-CCHN	Xét nghiệm	>2 năm				



SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN VIỆT

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NỘI TỔNG HỢP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Nội khoa)

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	1	
4.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		5	
5.	Màn chiếu	Cái	1	
6.	Máy chiếu	Cái	1	
7.	Máy tính	Cái	1	
8.	Ổng nghe	Cái	5	
9.	Đèn đọc phim	Cái	1	
10.	Bàn ghế ngồi	Bộ	5	
11.	Ghế đơn	Cái	20	
12.	Bóng Ambu	Cái	2	
13.	Bình Oxy các loại	Cái	5	
14.	Máy Monitor	Cái	2	
15.	Máy ghi điện tim	Cái	2	
16.	Máy hút đờm dãi	Cái	1	
17.	Giường bệnh	Cái	77	
18.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	10	
19.	Máy thở	Cái	2	
20.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	5	
21.	Xe tiêm, Dụng cụ, thuốc	Cái	5	
22.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	5	
23.	Bơm tiêm điện	Cái	5	
24.	Nhiệt kế các loại	Cái	20	
25.	Hộp chống shock	Cái	5	
26.	Cân	Cái	1	
27.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Cái	5	
28.	Tủ sấy	Cái	1	
29.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	77	



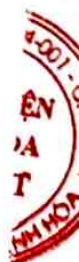
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA SẢN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Sản khoa)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	01	
2.	Phòng trực	Phòng	01	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		04	
4.	Bàn ghế ngồi	Bộ	02	
5.	Ghế đơn	Cái	25	
6.	Máy tính	Cái	08	
7.	Ống nghe	Cái	02	
8.	Đèn đọc phim	Cái	0	
9.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
10.	Bóng Ambu	Cái	03	
11.	Bình Oxy các loại	Cái	Oxy trung tâm	
12.	Máy hút đờm rãi	Cái	01	
13.	Giường bệnh	Cái	25	
14.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	04	
15.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	05	
16.	Xe tiêm	Cái	03	
17.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	18	
18.	Bơm tiêm điện	Cái	0	
19.	Nhiệt kế các loại	Cái	12	
20.	Hộp chống shock	Cái	06	
21.	Dụng cụ khám thai	Bộ	04	
22.	Cân	Cái	02	
23.	Thước đo chiều cao	Cái	02	
24.	Nồi luộc dụng cụ	Cái	0	
25.	Tủ sấy	Cái	0	
26.	Nồi hấp	Cái	0	
27.	Kẹp, panh, kéo, kim, van các loại	Bộ	18	
28.	Bộ tiêu phẫu (làm rốn)	Bộ	02	
29.	Bàn mổ - Dụng cụ mổ các loại	Cái	0	
30.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	25	
31.	Bàn khám phụ khoa	Cái	02	
32.	Bàn đẻ	Cái	02	
33.	Bàn làm thủ thuật	Cái	02	
34.	Đèn gù	Cái	04	

00254957
BỆNH VIỆN
ĐA KHOA
AN VIỆT
SƠN T. TH

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NGOẠI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Ngoại khoa)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	0	
4.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		4	
5.	Máy tính	Cái	10	
6.	Ổng nghe	Cái	5	
7.	Đèn đọc phim	Cái	1	
8.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
9.	Bàn ghế ngồi	Bộ	5	
10.	Ghế đơn	Cái	25	
11.	Bóng Ambu	Cái	2	
12.	Bình Oxy các loại	Cái	Oxy trung tâm	
13.	Máy hút đờm rãi	Cái	1	
14.	Giường bệnh	Cái	32	
15.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	5	
16.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	4	
17.	Xe tiêm, Dụng cụ, thuốc	Cái	4	
18.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	5	
19.	Bơm tiêm điện	Cái	0	
20.	Nhiệt kế	Cái	10	
21.	Hộp chống shock	Cái	3	
22.	Cân	Cái	0	
23.	Tủ sấy	Cái	0	
24.	Nồi hấp	Cái	5	
25.	Các loại nẹp và dụng cụ cố định gãy xương	Bộ	10	
26.	Kẹp, panh, kéo, kìm, van các loại	Bộ	10	
27.	Bộ trung phẫu	Bộ	0	
28.	Bộ tiểu phẫu	Bộ	10	
29.	Bàn mổ	Cái	0	
30.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	32	
31.	Bàn làm thủ thuật	Cái	2	
32.	Đèn gù	Cái	0	



DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NHI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Nhi khoa)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)	Phòng	4	
4.	Màn chiếu	Cái	0	
5.	Máy chiếu	Cái	0	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	4	
7.	Máy tính	Cái	8	
8.	Ổng nghe	Cái	3	
9.	Đèn đọc phim	Cái	1	
10.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
11.	Ghế đơn	Cái	50	
12.	Bóng Ambu	Cái	1	
13.	Bình Oxy các loại	Cái	2	
14.	Máy hút đờm rãi	Cái	1	
15.	Giường bệnh	Cái	40	
16.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	1	
17.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	0	
18.	Xe tiêm	Cái	2	
19.	Bơm tiêm điện	Cái	1	
20.	Nhiệt kế	Cái	9	
21.	Hộp chống shock	Cái	2	
22.	Cân	Cái	1	
23.	Thước đo chiều cao	Cái	1	
24.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	40	



DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA DƯỢC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Cao đẳng/Trung cấp Dược)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)	Phòng	4	
4.	Màn chiếu	Cái	1	
5.	Máy chiếu	Cái	1	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	5	
7.	Máy tính	Cái	1	
8.	Ghế đơn	Cái	20	
9.	Kho thuốc nội trú	Kho	02	
10.	Kho thuốc ngoại trú	Kho	01	
11.	Kho vật tư tiêu hao	Kho	01	
12.	Kho hóa chất	Kho	01	
13.	Phòng dược lâm sàng	Phòng	01	
14.	Tủ lạnh	Cái	02	
15.	Tủ bảo quản thuốc: bút tiêm đường, insulin...,	Cái	1	
16.	Máy đo nhiệt độ	Cái	04	
17.	Máy đo độ ẩm	Cái	04	
18.	Máy sấy	Cái	01	
19.	Tủ đựng thuốc	Cái	06	
20.	Xe vận chuyển thuốc	Cái	02	
21.	Xe phát thuốc	Cái	05	

2802549
BỆNH
ĐA K
AN VI
Y SƠN T.D

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA XÉT NGHIỆM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm Y học)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	2	
4.	Màn chiếu	Cái	1	
5.	Máy chiếu	Cái	1	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	5	
7.	Máy tính	Cái	4	
8.	Bảng viết lớn	Cái	01	
9.	Ghế đơn	Cái	20	
10.	Kính hiển vi điện tử	Cái	01	
11.	Máy phân tích sinh hóa	Cái	01	
12.	Máy xét nghiệm miễn dịch cobas e411	Cái	01	
13.	Máy xét nghiệm huyết học	Cái	02	
14.	Máy xét nghiệm điện giải 4 thông số	Cái	01	
15.	Máy xét nghiệm máu lắng	Cái	01	
16.	Máy xét nghiệm đông máu (máy xét nghiệm máu lắng bán tự động 1 kênh đo coa data 504)	Cái	01	
17.	Máy ly tâm 12 ống	Cái	01	
18.	Máy tủ ẩm vi sinh co2 + kèm bình co2 (bình cũ)	Cái	01	
19.	Máy phân tích nước tiểu mission u120	Cái	01	
20.	Tủ an toàn sinh học cấp ii	Cái	01	
21.	Máy phát hiện vi khuẩn helicobacter pylori	Cái	01	
22.	Máy phân tích nước tiểu mission u120	Cái	01	
23.	Máy đọc rayto	Cái	01	
24.	Máy rửa tích hợp máy ủ rayto	Cái	01	
25.	Máy xét nghiệm vi chất	Cái	01	
26.	Máy đo nồng độ cồn cầm tay	Cái	01	
27.	Tủ lạnh chuyên dùng	Cái	01	
28.	Cân điện tử	Cái	01	
29.	Máy máu lắng tự động	Cái	01	
30.	Nồi hấp ướ	Cái	01	



**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC
HÀNH**

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	4	
4.	Màn chiếu	Cái	1	
5.	Máy chiếu	Cái	1	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	5	
7.	Máy tính	Cái	1	
8.	Bảng viết lớn	Cái	01	
9.	Ghế đơn	Cái	30	
10.	Giường để siêu âm (giường, chiếu, gối, chăn,...)	Cái	04	
11.	Máy Siêu Âm 2d Doppler Màu	Cái	01	
12.	Máy Siêu Âm 2d Doppler Màu	Cái	01	
13.	Máy Siêu Âm Doppler Màu 4d Tổng Quát Cao Cấp	Cái	02	
14.	Máy siêu âm cao cấp đàn hồi mô gan	Cái	01	
15.	Hệ thống nội soi tiêu hóa dạ dày và đại tràng video	Cái	01	
16.	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	02	
17.	Máy chuẩn đoán mạch (lưu huyết não)	Cái	03	
18.	Máy điện não kỹ thuật số 32 kênh	Cái	01	
19.	Máy đo loãng xương siêu âm	Cái	01	
20.	Máy điện tim 6 cần	Cái	01	
21.	Máy điện tim 3 cần	Cái	01	
22.	MÁY X-QUANG CHẨN ĐOÁN 500ma	Cái	01	
23.	Hệ thống số hóa ảnh x-quang kỹ thuật số	Cái	01	
24.	Máy Xquang >500ma Cánh Tay Chữ U Và Các Phụ Kiện	Cái	01	
25.	Hệ thống máy chụp cắt lớp 32 lớp cắt/vòng	Cái	01	
26.	Máy in phim khô	Cái	01	



DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	4	
4.	Bàn ghế ngồi	Bộ	20	
5.	Bộ dụng cụ đo dấu hiệu sinh tồn	Bộ	04	
6.	Bộ dụng cụ tiêm thuốc	Bộ	02	
7.	Bộ dụng cụ châm cứu	Bộ	02	
8.	Bộ dụng cụ xoa bóp	Bộ	02	
9.	Máy điện xung giác hút 2 kênh	Máy	03	
10.	Máy điện xung, điện phân thuốc	Cái	03	
11.	Máy điện châm có miếng dán điện xung	Cái	02	
12.	Đèn hồng ngoại trị liệu chân cao	Cái	08	
13.	Máy kéo giãn cột sống cổ, ngực và lưng với 8 dạng kéo và 5 tốc độ kéo với bàn kéo giãn có thể thay đổi độ cao	Cái	01	
14.	Máy siêu âm trị liệu	Bộ	01	
15.	Máy điện châm 6 kênh có bộ phận dò huyết tự động		01	
16.	Máy điện châm 6 kênh có bộ phận dò huyết tự động		01	
17.	Máy sắc thuốc 3 nồi kèm đóng túi tự động		01	
18.	Máy sắc thuốc		01	
19.	Máy điện châm m8		01	
20.	Máy siêu âm trị liệu	Cái	70	
21.	Cầu thang tập đi	Cái	01	
22.	Bàn tập đứng	Cái	01	
23.	Thanh tập song song	Cái	01	
24.	Ghế tập mạnh chân tay	Cái	01	
25.	Giường châm cứu	Cái	10	
26.	Giường đa năng	Cái	05	
27.	Giường inox	Cái	29	
28.	Tủ thuốc	Cái	01	

802549
 BỆNH
 ĐA K
 AN VI
 SƠN T.T

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN VIỆT

Phụ lục bổ sung

Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng hội trường lớn (để học theo lớp)	Phòng	1	200m ²
2	Phòng hội thảo nhỏ (học theo nhóm)	Phòng	2	50 m ²
5	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	2	20 m ²
6	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính, phòng bó bột, phòng mổ, đẻ...)			Đầy đủ theo quy định của BV hạng 3
7	Bảng viết lớn (Hội trường)	Cái	1	
8	Bảng phụ	Cái	1	
9	Màn chiếu	Cái	1	
10	Máy chiếu	Cái	2	
11	Máy tính	Cái	6	
12	Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa	Phần mềm	1	
13	Bàn ghế ngồi	Bộ	50	
14	Ghế đơn	Cái	100	



SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN VIỆT

Phụ lục bổ sung

Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng hội trường lớn (để học theo lớp)	Phòng	1	200m ²
2	Phòng hội thảo nhỏ (học theo nhóm)	Phòng	2	50 m ²
5	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	2	20 m ²
6	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính, phòng bó bột, phòng mổ, đẻ...)			Đầy đủ theo quy định của BV hạng 3
7	Bảng viết lớn (Hội trường)	Cái	1	
8	Bảng phụ	Cái	1	
9	Màn chiếu	Cái	1	
10	Máy chiếu	Cái	2	
11	Máy tính	Cái	6	
12	Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa	Phần mềm	1	
13	Bàn ghế ngồi	Bộ	50	
14	Ghế đơn	Cái	100	

